

Số: 69 /BC-THCVA

Đức An, ngày 18 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục học kỳ I năm học 2024 – 2025

Căn cứ Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục;

Căn cứ công văn 4324/BGDĐT-CNTT, ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, thống kê giáo dục học năm học 2024 – 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 028/KH-THCVA, ngày 04 tháng 9 năm 2024 của trường Tiểu học Chu Văn An về việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025.

Trường Tiểu học Chu Văn An báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục trong học kỳ I năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. Tình hình chung

1. Thực trạng

Nhà trường có 1 phòng thực hành tin học với 31 máy tính, 15 tivi cho 27 phòng học và 7 máy tính, 01 máy scan, 01 máy photo cho các phòng hành chính. Tất cả các máy tính đều có kết nối mạng Internet. Trường có 6 hệ thống Wifi phục vụ công tác tìm kiếm tài liệu, công tác giảng dạy và học tập.

Có 01 giáo viên dạy môn tin học, trình độ Đại học công nghệ thông tin kiêm phụ trách công tác CNTT của đơn vị.

100% cán bộ quản lý và giáo viên đều có chứng chỉ tin học cơ bản hoặc tương đương.

2. Thuận lợi

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo yêu cầu và không ngừng chủ động tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực CNTT.

Cơ sở hạ tầng CNTT&TT của Trường từng bước đầu tư, hiện nhà trường có 01 phòng Tin học với 31 máy vi tính đang sử dụng trong đó có 10 máy mới được bổ sung trong tháng 10/2023; 05 máy dành cho công tác của quản lý, hành chính, có internet phục vụ quản lý, dạy học, trong đó 01 máy được bổ sung vào tháng 10/2024.

Nhà trường đã và đang triển khai ứng dụng một số phần mềm quản trị và dạy học theo nhu cầu để tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học.

Có nhiều văn bản pháp lý, hướng dẫn việc ứng dụng CNTT&TT trong trường học, tạo điều kiện cho trường trong triển khai thực hiện.

Phần lớn phụ huynh rất quan tâm đối với hoạt động học tập của học sinh, đặc biệt là đầu tư các thiết bị CNTT trong học tập, từ đó học sinh đã tiếp cận, khai thác các nguồn thông tin phục vụ học tập, nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT.

3. Khó khăn

Nhân sự phụ trách CNTT của trường là giáo viên Tin học kiêm nhiệm, không có nhiều thời gian hỗ trợ hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT của trường.

Chất lượng nguồn nhân lực không đều, một số cá nhân còn hạn chế trong việc sử dụng các thiết bị điện tử thông minh phục vụ cho công tác dạy học.

Một số máy tính còn sử dụng được nhưng hệ điều hành đã cũ, cấu hình không đảm bảo để nâng cấp.

Số thiết bị thông minh (ti vi, máy chiếu,..) chưa đảm bảo cho tất cả các lớp, chưa có bảng tương tác thông minh, hệ thống thiết bị giám sát.

Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng CNTT&TT hạn chế (ngân sách và xã hội hóa).

Tốc độ đường truyền internet thấp chưa đáp ứng các hoạt động ứng dụng CNTT-TT.

II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Nhà trường đã phổ biến đến tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên về Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục; Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; Quyết định 4275/QĐ-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn 4324/BGDĐT-CNTT, ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, thống kê giáo dục học năm học 2024 – 2025; Kế hoạch 58/KH-SGDĐT, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Đồng thời hiệu trưởng nhà trường cũng đã ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng hệ thống quản trị trường Tiểu học Chu Văn An (<https://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-quy-che-su-dung-cac-he-thong-quan-tri-truc-tuyen-nam-hoc-2024-2025.html>); thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục

trường Tiểu học Chu Văn An (<https://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/quyet-dinh-thanh-lap-ban-chi-dao-thuc-hien-nhiem-vu-ung-dung-cntt-va-chuyen-doi-so-thong-ke-nam-hoc-2024-2025.html>); Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục trường TH Chu Văn An (<https://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/ke-hoach-thuc-hien-nhiem-vu-ung-dung-cntt-va-chuyen-doi-so-thong-ke-nam-hoc-2024-2025.html>).

2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Nhà trường đang tăng cường, đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong đơn vị: Đầu tư về cơ sở hạ tầng, xây dựng và khai thác tài nguyên trên internet vào công tác dạy học và quản lý của đơn vị.

Trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác trang thông tin điện tử: Số máy tính, máy in phục vụ công tác phục vụ công tác quản lý, hành chính: Máy tính: 05 cái, Máy in: 05 cái; một phòng máy tính bàn gồm 30 máy để phục vụ cho bộ môn tin học.

Hệ thống Internet: 04 đường mạng của hai nhà mạng Viettel và VNPT; 04 modem phát wifi; một số phòng học chính đã được lắp đặt tivi.

100% giáo viên đều có laptop cá nhân để phục vụ cho việc dạy học.

Trong thời gian qua Website của nhà trường đã đi vào hoạt động ổn định, cụ thể tính đến thời điểm báo cáo:

+ Lướt truy cập tính đến thời điểm báo cáo là 21.842 lượt

+ Số bài viết: 508 bài

<http://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn>



+ Tài nguyên 76

<http://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/tai-nguyen>



+ 48 bài giảng điện tử

<http://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/loai-tai-nguyen/bai-giang-dien-tu>



+ Xây dựng chuyên mục mới trên website như thư viện, phát thanh Măng non

<http://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/chuyen-muc/thu-vien>



<http://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/chuyen-muc/tin-tuc-hoat-dong/hoat-dong-doan-doi/chuong-trinh-phat-thanh-mang-non>



Bước đầu thực hiện các ứng dụng công nghệ AI (trí tuệ nhân tạo) trong xây dựng website và bài giảng điện tử.

Cùng với việc sử dụng website thì nhà trường vẫn đang thực hiện tốt duy trì việc ứng dụng hệ thống zalo, facebook, LMS,...trong công tác truyền thông cũng như trong công tác dạy và học.

Kết quả tự đánh giá theo Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Chuyển đổi số trong dạy, học: 77/100 điểm, đạt mức độ 3 – Mức đáp ứng tốt về triển khai chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: 78/100 điểm, đạt mức độ 3 – Mức đáp ứng tốt về triển khai chuyển đổi số.

Minh chứng và Bộ chỉ số tự đánh giá được đăng tải trên website của trường:

<https://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/chi-so-tu-danh-gia-chuyen-doi-so-thang-12-nam-2024.html>

<https://c1chuvanan.pgddaksong.edu.vn/muc-do-chuyen-doi-so-nam-hoc-2024-2025.html>

3. Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể

Nội dung	Trả lời	
	Có	Không
3.1. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá		
Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:		
Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS)	Có	
Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính	Có	
Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có 21 học liệu	Có	
Học liệu năm học 2022 - 2023 xây dựng được 18 học liệu	Có	
3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục		
Triển khai phần mềm quản trị trường học	Có	
Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	Có	
Triển khai chữ ký số	Có	

Số giáo viên đã được cấp chữ ký số	27	Có
Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	Có	
3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		
Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh	Có	
Có phòng phát triển học liệu (phòng studio)		Không
Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725	Mức 2	
3.4. Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL		
Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	
Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn)	Đúng hạn	
3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Số lượng	Tỉ lệ
Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến	27	100 %
Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e - Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số	27	100 %
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị	27	100 %
Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin	27	100 %

STT	Nhóm tiêu chí	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)		Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2)		Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyển đổi số trong dạy, học					14	88
2	Chuyển đổi số trong quản trị CSGD					12	92,3

4. Khó khăn, vướng mắc

Kỹ năng sử dụng phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng, kỹ năng sử dụng

mạng xã hội an toàn; nhận diện, phòng ngừa thông tin xấu, độc trên không gian số...còn nhiều hạn chế.

Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng kịp với lộ trình chuyển đổi số của đơn vị.

5. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT trong thời gian tới

Tất cả các tài liệu chế độ hội họp, hội nghị đều được số hóa (tạo mã QR) để tránh lãng phí về công tác in ấn.

Ban quản trị Website của trường đẩy mạnh CNTT, tuyên truyền thông qua các hội nghị, cuộc thi để nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động tại đơn vị.

Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ giáo viên thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giảng dạy, sử dụng các phần mềm trong nhà trường.

Giáo viên sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT trong đổi mới PPDH, khai thác các thiết bị CNTT, phần mềm, dạy học kết nối...

Nhân rộng các cá nhân có kỹ năng tốt bồi dưỡng, hướng dẫn cho đồng nghiệp trong việc sử dụng CNTT.

6. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo trang thông tin điện tử của đơn vị hoạt động có hiệu quả thì cần:

- + Có cơ chế hoạt động phù hợp, nguồn kinh phí để hỗ trợ các thành viên tham gia.
- + Có thêm các hoạt động hướng dẫn, các chương trình, lớp tập huấn để giúp các thành viên nâng cao kỹ năng số phục vụ cho nhiệm vụ được giao...
- + Biên chế 01 viên chức phụ trách công nghệ thông tin cho nhà trường.
- + Nâng cấp hạ tầng cơ sở liên quan đến công nghệ thông tin.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê giáo dục học kỳ I năm học 2024 – 2025 của trường Tiểu học Chu Văn An. Kính trình cấp có thẩm quyền xem xét./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT Đắk Song;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)													Điểm Dạy học	Điểm Quản trị	Tổng
		Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)							Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)								
	Tên đơn vị	1.1 (có/không)	1.2 (có/không)	1.3 (30 đ)	1.4 (10đ)	1.5 (20đ)	1.6 (20 đ)	1.7 (20đ)	2.1 (có/không)	2.2 (có/không)	2.3 (70 đ)	2.4(30đ)					
1	Trường TH Chu Văn An	có	có	24	6	15	18	10	có	có	50	8	73	58	129		

